TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **219**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05 - 07- 2024
V/v :"*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Hồng Ngọc
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Huỳnh Phi Hổ
2. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên .

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên , tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa***: Ông Trương Tùng Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 07 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 420/2024/TLST- HNGĐ, ngày 29 tháng 02 năm 2024 về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 05 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 238/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11/06/2024 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị A**, sinh năm 1975.
Địa chỉ: Nhà không số, tổ A, ấp L, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai
- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1971.
Địa chỉ: Số A, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai
(*Ông Đ, bà A vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình tiến hành tố tụng bà Nguyễn Thị A trình bày*:

- **Về quan hệ hôn nhân**: Sau một thời gian quen biết và tìm hiểu giữa bà A và ông Đ phát sinh tình cảm và quyết định đi đến hôn nhân. Vào năm 2008, bà A và ông Đ tổ chức đám cưới và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện không có sự cưỡng ép. Từ khi kết hôn bà A và ông Đ đã có những mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân nhưng cả hai đã cố gắng khắc phục để tiếp tục cuộc sống vợ chồng. Thế

nhưng những mâu thuẫn đó ngày càng trầm trọng và gay gắt hơn. Nguyên nhân xuất phát từ vấn đề tiền bạc trang trãi trong nhà, ông Đ thường xuyên đánh bạc, ông Đ đi làm không mang tiền về nhà để phụ giúp nuôi con. Hơn 01 năm nay ông Đ đã về nhà ở phường T để ở, ông Đ có về thăm con một hai lần nhưng không chu cấp gì cho con. Nay xét thấy, mâu thuẫn giữa hai bà A và ông Đ đã hết sức trầm trọng không còn khả năng hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích xây dựng cuộc hôn nhân không đạt được và 02 vợ chồng cũng đã ly thân. Vì vậy, bà làm đơn này đề nghị Tòa Án Nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xem xét giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ để hai bên ổn định cuộc sống.

- **Về con chung**: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh M, sinh ngày 10/04/2009 và cháu Nguyễn Trung S, sinh ngày 04/11/2012. Ly hôn bà A xin được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cả 02 con. Tạm thời bà A không yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung**: Tự thoả thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

- **Về Nợ chung**: Bà A cam kết vợ chồng tôi không có nợ chung.

- **Về án phí**: Bà A xin tự nguyện chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho ông Nguyễn Văn Đ nhưng ông Nguyễn Văn Đ không gửi cho Tòa án ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A và cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ. Tòa án đã nhiều lần tống đạt thông báo, giấy triệu tập mời ông Nguyễn Văn Đ đến Tòa án để lấy lời khai đối chất; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Nguyễn Văn Đ không đến Tòa án làm việc.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về tố tụng, bảo đảm sự vô tư, khách quan trong việc giải quyết vụ án. Về nội dung tranh chấp: Cuộc sống hôn nhân của bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Văn Đ không có hạnh phúc, không ai còn quan tâm đến ai. Do mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Anh B Nguyễn Thị A khai có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh M, sinh ngày 10/04/2009 và cháu Nguyễn Trung S, sinh ngày 04/11/2012. Ly hôn bà A xin được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cả 02 con. Tạm thời bà A không yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Các con bà Nguyễn Thị A, ông Nguyễn Văn Đ gồm cháu Nguyễn Thị Thanh M và cháu Nguyễn Trung S đều có nguyện vọng ở với mẹ là bà Nguyễn Thị A, ông Nguyễn Văn Đ cũng không có ý kiến nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Thị Thanh M, sinh ngày 10/04/2009 và cháu Nguyễn Trung S, sinh ngày 04/11/2012 cho bà Nguyễn Thị A trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và tạm thời ông Nguyễn Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Bà Nguyễn Thị A khai tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Nguyễn Văn Đ cũng không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Ông Nguyễn Văn Đ hiện đang sinh sống tại thành phố B nên đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Thị A thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa. Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Văn Đ: "Thông báo thụ lý vụ án", "Giấy triệu tập", "Thông báo thu thập được chứng cứ","Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải" nhưng ông Nguyễn Văn Đ vẫn không đến Tòa án làm việc. Do ông Nguyễn Văn Đ đã được thông báo nhiều lần nhưng vẫn không đến tham gia phiên họp và hòa giải nên Tòa án đã lập biên bản ghi nhận việc không thể tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải được, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa do vắng mặt ông Nguyễn Văn Đ cũng đã được tiến hành tống đạt theo đúng quy định của pháp luật. Như vậy, ông Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Nguyễn Văn Đ vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn Đ theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bà Nguyễn Thị A là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Về nội dung tranh chấp: Bà Nguyễn Thị A yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ. Về con chung bà Nguyễn Thị A khai có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh M, sinh ngày 10/04/2009 và cháu Nguyễn Trung S, sinh ngày 04/11/2012 ly hôn bà A xin nuôi cả 02 con và tạm thời không yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung tự thoả thuận và bà A cam kết hai vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Các nội dung này đã được Tòa án ghi rõ trong các Thông báo mà ông Đ đã được niêm yết hợp lệ nhưng ông Nguyễn Văn Đ không có ý kiến phản đối, không giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Trên cơ sở lời khai, lời trình bày của bà Nguyễn Thị A và kết quả xác minh tại địa phương thì thấy ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị A cuộc sống chung không có sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị A đã sống riêng hơn 01 năm nay. Đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trên thực tế, bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Văn Đ không ai còn quan tâm đến ai. Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải cho ông Nguyễn Văn Đ để tiến hành hòa giải nhưng ông Nguyễn Văn Đ không đến, cho thấy ông Nguyễn Văn Đ không có thiện chí đoàn tụ với bà Nguyễn Thị A. Do vậy yêu cầu của bà Nguyễn Thị A về việc xin ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ là có cơ sở chấp nhận.

[2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị A có 02 con là cháu Nguyễn Thị Thanh M, sinh ngày 10/04/2009 và cháu Nguyễn Trung S, sinh ngày 04/11/2012. Cả 02 cháu có nguyện vọng ở với mẹ và bà Nguyễn Thị A cũng xin được trực tiếp nuôi cả 02 con, ông Nguyễn Văn Đ không có ý kiến nên Hội đồng xét xử giao cả 02 cháu Nguyễn Thị Thanh M và cháu Nguyễn Trung S cho bà Nguyễn Thị A trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Do bà Nguyễn Thị A không yêu cầu nên ông Nguyễn Văn Đ tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị A khai không có và ông Nguyễn Văn Đ không có ý kiến nên Tòa án không giải quyết về tài sản chung của bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Văn Đ trong vụ án này.

[4] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị A khai không có nợ chung và ông Nguyễn Văn Đ không có ý kiến nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này .

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[6] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 2 Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 119 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị A. Bà Nguyễn Thị A được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cả 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh M, sinh ngày 10/04/2009 và cháu Nguyễn Trung S, sinh ngày 04/11/2012 cho bà Nguyễn Thị A được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời ông Nguyễn Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Văn Đ được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị A khai không có và ông Nguyễn Văn Đ không có ý kiến nên Tòa án không giải quyết về tài sản chung trong vụ án này.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị A khai không có và ông Nguyễn Văn Đ không có ý kiến nên Tòa án không giải quyết về nợ chung của Bà Nguyễn Thị A1 ông Nguyễn Văn Đ trong vụ án này.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị A phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí Bà Nguyễn Thị A đã nộp theo biên lai thu số: 0002546 ngày 26/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Bà Nguyễn Thị A đã nộp đủ án phí.

Bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Văn Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Đồng Nai;
-VKSND TP Biên Hòa;
-VKSND tỉnh Đồng Nai;
-Các đương sự;
-Thi hành án;
-Lưu hồ sơ, Vp;
-UBND phường Thống Nhất, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai (*giấy chứng nhận kết hôn số 126 ngày 17/7/2008*)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Lê Hồng Ngọc